

Bản án số: 28/2022/HS-ST
Ngày: 31-3-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Linh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trịnh Nam Trung

2. Ông Trần Trương Hiền

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
Ông Kha Hữu Chí - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 08/2022/HSST, ngày 20 tháng 01 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Tường D**, sinh năm 1996 tại huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang; Nơi cư trú: ấp HẮ xã ĐH, huyện GQ, tỉnh Kiên Giang; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ học vấn: 7/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Họ và tên cha: Nguyễn Chi Lăng; sinh năm 1968; Họ và tên mẹ: Lý Kim Trang; sinh năm 1968; Vợ: Huỳnh Thị Việt Trinh, sinh năm 1997; Con Nguyễn Huỳnh Hiểu Bằng, sinh năm 2019; Tiền sự: không; Tiền án: Ngày 24/11/2016 bị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, chấp hành xong hình phạt tù ngày 28/8/2017, chấp hành xong nghĩa vụ thi hành án phí ngày 27/01/2021. Bị bắt tạm giữ ngày 10/6/2021, chuyển tạm giam từ ngày 13/6/2021 cho đến nay (Có mặt tại phiên tòa).

*** Người bào chữa chỉ định cho bị cáo:** Luật sư Võ Văn Mạnh - Đoàn Luật sư tỉnh Kiên Giang (Có mặt tại phiên tòa).

*** Bị hại:**

1. Bà **Phan Ngọc H**, sinh năm 1969 (Vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

2. Anh **Huỳnh Phát L**, sinh năm: 1991 (Vắng mặt, có đơn yêu cầu vắng mặt).
Cùng cư trú: Số 47 NTN, phường AB, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông **Phạm Văn T**, sinh năm: 1957 (Vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm 7, phường HY, thành phố MC, tỉnh Quảng Ninh.

2. Anh **Bùi Văn Th**, sinh năm: 1982 (Vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 77, phường CT, thành phố CP, tỉnh Quảng Ninh

3. Anh **Trần Dũng C**, sinh năm: 1982 (Vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Khối 12, phường HHT, thành phố V, tỉnh Nghệ An

4. Anh **Nguyễn Văn D**, sinh năm: 1965 (Vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Khối 7, phường HHT, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

5. Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm: 1991 (Vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Khối 3, thị trấn CG, huyện QL, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do quen biết Huỳnh Phát L từ trước và biết bà Phan Ngọc H (mẹ của Lợi) cùng trú 47 Ngô Thời Nhiệm, phường An Bình, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang có cho thuê xe ô tô tự lái nên đầu tháng 8 năm 2019 Nguyễn Tường D đến thuê chiếc xe ô tô 7 chỗ, nhãn hiệu KIA, số loại Sorento màu trắng, mang biển kiểm soát: 68A-110.13, với giá thuê xe là 700.000đ/ngày. Khi cho thuê xe, bà H giao cho D các giấy tờ có liên quan đến xe gồm Giấy đăng ký xe (bản sao y), giấy Bảo hiểm xe, giấy đăng kiểm xe (tất cả đều mang tên Huỳnh Phát L vì bà H mua xe nhưng cho con là L đứng tên). Sau khi thuê xe ngày được một thời gian, ngày 26/8/2019 D ký hợp đồng thuê xe 6 tháng với tiền thuê là 126.000.000đ (Một trăm hai mươi sáu triệu đồng). Trong thời gian thuê xe, do cần tiền nên khi nghe L muốn thi giấy phép lái xe ô tô, D đã nói dối với Lợi là có quen biết ở thành phố Hồ Chí Minh và hứa sẽ giúp cho L thi đậu giấy phép lái xe ô tô. D kêu L đưa chứng minh nhân dân (bản gốc) cho D để làm thủ tục đăng ký dự thi. Khi nhận được chứng minh nhân dân của L, D bóc ảnh của L ra và dán ảnh của D vào, sau đó tìm hiểu trên mạng biết được tiệm cầm đồ Mạnh Đức ở quận 7, thành phố Hồ Chí Minh, D đưa xe ô tô biển kiểm soát 68A-110.13 đến mạo danh là L để cầm xe và lấy số tiền là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng). Cầm được khoảng một tháng D tiếp tục tìm kiếm trên mạng người cầm xe ô tô và D liên lạc với người này đến tiệm cầm đồ Mạnh Đức chuộc xe và cầm lại cho người này lấy số tiền 220.000.000đ (Hai trăm hai mươi hai triệu đồng). Khi gần hết thời hạn cầm xe D tiếp tục với việc tìm người cầm xe trên mạng và cầm cho người mới với số tiền là 224.000.000đ (Hai trăm hai mươi bốn triệu đồng). D không rõ họ, tên, năm sinh cũng như chỗ ở, nơi làm việc của hai người cầm xe nói trên và cũng không còn biết xe ô tô biển kiểm soát 68A-110-13 ở đâu, do ai quản lý. Trong quá trình cho D thuê xe, ngày 01/11/2019 khi thấy thiết bị định vị trên xe mất tín hiệu, bà H tìm cách liên lạc được với D và yêu cầu đem xe về trả, nếu không sẽ báo Công an thì D tắc điện thoại, chặn, khóa Zalo, facebook rồi bỏ trốn cho đến khi bị bắt theo lệnh truy nã.

Quá trình điều tra xác định được, vào tháng 02/2020 bà Nguyễn Thị H mua chiếc xe ô tô mang biển kiểm soát 68A-110.13 từ một người trên mạng xã hội

facebook có nickname “Tèo xe máy” (không rõ họ tên, chỗ ở, nơi làm việc) với giá 650.000.000đ (Sáu trăm năm mươi triệu đồng). Sau khi sử dụng một thời gian, bà H nhờ cha chồng tên Nguyễn Văn D bán cho ông Trần Dũng C với giá 690.000.000đ (Sáu trăm chín mươi triệu đồng), ông C bán lại cho ông Bùi Văn T với giá 800.000.000đ (Tám trăm triệu đồng), ông T bán lại cho ông Phan Văn T với giá 820.000.000đ (Tám trăm hai mươi triệu đồng). Sau khi mua xe, ông Toàn làm thủ tục đăng ký lại chủ sở hữu mang tên Phan Văn T với biển kiểm soát là 14A-476.71.

* Tại bản kết luận định giá tài sản số: 60/KL-HĐĐGTS, ngày 11/8/2020 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự thuộc tỉnh Kiên Giang kết luận: 01 (một) chiếc xe ô tô nhãn hiệu KIA màu trắng biển kiểm soát 68A-110.13, số máy D4HBJH004249, số khung 52A6JC127860 (đã qua sử dụng từ ngày 22/10/2018 đến 26/01/2020). Thời điểm định giá ngày 26/01/2020 có giá là 830.000.000đ (Tám trăm ba mươi triệu đồng).

* Tại bản kết luận giám định số: 881/KL-KTHS, ngày 26/10/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Kiên Giang kết luận như sau: Chữ viết ghi họ tên “Nguyễn Tường D” trên mẫu cần giám định ký hiệu A so với chữ viết mang tên Nguyễn Tường D trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M7 do cùng một người viết ra; không đủ cơ sở kết luận chữ ký mang tên Nguyễn Tường D trên mẫu cần giám định ký hiệu A dạng đọc được “Duy”, “Đuy” mang tên Nguyễn Tường D trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M7 có phải do cùng một người ký ra hay không.

* Vật chứng vụ án: 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu KIA màu trắng biển kiểm soát 14A-476.71, số máy D4HBJH004249, số khung 52A6JC127860, đã trả lại cho chủ sở hữu (bị hại H, L) theo Quyết định xử lý đồ vật, tài liệu số: 01/QĐ-CSĐT-CSHS ngày 01/02/2021 của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Kiên Giang.

* Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, truy tố bị hại H và L yêu cầu bị cáo D bồi thường thiệt hại 314.000.000đ (Ba trăm mười bốn triệu đồng), bị cáo D đồng ý nhưng chưa bồi thường.

Đối với Nguyễn Thị H, Nguyễn Văn D, Trần Dũng C, Bùi Văn T, Phan Văn T do không biết chiếc xe này là tài sản do phạm tội mà có, nên không xử lý. Đối với đối tượng có nickname “Tèo xe máy” trên mạng xã hội facebook đến nay chưa xác định được tên tuổi, chỗ ở nên Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, khi có đủ cơ sở sẽ xử lý sau.

Tại bản Cáo trạng số: 11/CT - VKSTKG-P2, ngày 20/01/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang đã truy tố bị cáo Nguyễn Tường D về tội: “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 4 Điều 175 BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo Nguyễn Tường D có ý kiến: Thừa nhận bản thân đã thực hiện hành vi chiếm đoạt chiếc xe ô tô của bị hại H và L đúng như truy tố của Viện kiểm sát. Đồng ý chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho bị hại Hoa và Lợi 314.000.000đ như yêu cầu của họ đưa ra.

Lưu ý bào chữa cho bị cáo D có ý kiến: Đồng ý theo ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, khung hình phạt, tình tiết giảm nhẹ áp dụng đối với

bị cáo D. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh gia đình của bị cáo, xử phạt bị cáo mức án nhẹ nhất có thể.

- Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến: Giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo D. Đề nghị áp dụng khoản 4 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo D từ 13 đến 14 năm tù; về trách nhiệm dân sự, buộc bị cáo D phải bồi thường thiệt hại cho bị hại 314.000.000đ như ý kiến của bị hại đưa ra và bị cáo đồng ý.

- Bị hại Phan Ngọc H và Huỳnh Phát L vắng mặt, nhưng trong đơn yêu cầu xét xử vắng mặt có nêu ý kiến: Về trách nhiệm hình sự yêu cầu xử bị cáo D theo quy định của pháp luật; về trách nhiệm dân sự, yêu cầu buộc bị cáo D bồi thường thiệt hại như đã nêu trước đây là 314.000.000đ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Văn T, Bùi Văn T, Trần Dũng C, Nguyễn Văn D và Nguyễn Thị H vắng mặt, nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và trong đơn có thể hiện ý kiến không yêu cầu giải quyết gì về phần trách nhiệm dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Kiên Giang, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì đối với hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Tường D khai nhận: sau khi thuê xe ô tô của bà Phan Ngọc H và anh Huỳnh Phát L để sử dụng một thời gian, do cần tiền để chi xài nên đã nhiều lần đem chiếc xe cầm cố cho nhiều người, sau đó không có tiền chuộc lại xe và không biết chiếc xe đã chuyển giao cho ai. Do không có xe trả lại cho bà H và anh L nên bỏ trốn và bị bắt theo lệnh truy nã. Giá trị chiếc xe ô tô bị cáo D thuê của bà H và anh L theo kết quả định giá là 830.000.000đ. Lời khai nhận của bị cáo D tại phiên tòa phù với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để xác định bị cáo D đã thực hiện hành vi cấu thành tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo quy định tại khoản 4 Điều 175 Bộ luật hình sự như truy tố của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang.

[3] Xét tính chất, mức độ phạm tội:

Hành vi phạm tội của bị cáo D là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, gây thiệt hại lớn về vật chất cho người bị hại. Bản thân bị cáo đã từng bị kết án và phải chấp hành hình phạt tù một thời gian cũng về tội chiếm đoạt tài sản (cụ thể là phải chấp hành hình phạt 1 năm 6 tháng tù về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản), chưa được xóa án lại tiếp tục thực hiện hành vi

phạm tội mới. Qua đó cho thấy bị cáo chưa tu sửa bản thân, bất chấp kỷ cương pháp luật.

4] Về nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tái phạm, là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, thể hiện có sự ăn năn hối cải, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

- Chiếc xe ô tô bị cáo chiếm đoạt của bị hại đã được Cơ quan điều tra thu hồi trả lại bị hại trong giai đoạn điều tra. Ngoài ra, bị hại H và L còn yêu cầu buộc bị cáo D phải bồi thường thiệt hại 314.000.000đ, bị cáo D đồng ý bồi thường nhưng đến nay chưa thực hiện. Thấy rằng, hành vi phạm tội của bị cáo D có gây thiệt hại cho bị hại (không thu được tiền cho thuê xe trong một thời gian dài) và yêu cầu bồi thường của bị hại đưa ra bị cáo cũng đồng ý. Do đó, căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, 585 và 589 Bộ luật dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại mà bị hại đưa ra.

- Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Văn T, Bùi Văn T, Trần Dũng C, Nguyễn Văn D và Nguyễn Thị H không có yêu cầu giải quyết gì về trách nhiệm dân sự đối với nhau liên quan đến việc giao dịch mua bán chiếc xe ô tô mà bị cáo Duy chiếm đoạt của bị hại trong vụ án này nên không xét đến.

Từ các phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang, xử phạt bị cáo D một mức hình phạt tù tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo và buộc bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho bị hại.

[6] Về án phí: căn cứ Điều 135, 136 BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, bị cáo D phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 15.700.000đ án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải bồi thường cho bị hại ($314.000.000đ \times 5\% = 15.700.000đ$).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 4 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tường D phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tường D 13 (Mười ba) năm tù, thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt tạm giữ là ngày 10/6/2021.

2. Về trách nhiệm dân sự, căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, 585 và điều 589 Bộ luật dân sự:

Buộc bị cáo Nguyễn Tường D phải bồi thường cho bị hại Phan Ngọc Hoa và Huỳnh Phát Lợi 314.000.000đ (Ba trăm mười bốn triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bị hại nếu bị cáo không bồi thường hoặc bồi thường không đủ số tiền trên cho bị hại thì bị cáo còn phải trả tiền lãi cho bị hại theo mức lãi suất qui định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí, căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 23, 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Bị cáo Nguyễn Tường D phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 15.700.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo D có mặt tại phiên tòa khi tuyên án, có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 31/3/2022); bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa khi tuyên án, có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

* Trường hợp phần dân sự của bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Vụ giám đốc kiểm tra 1 (1);
- VKSND Cấp cao tại tp. HCM (1);
- TAND Cấp cao tại tp.HCM (1);
- VKSND tỉnh KG (1);
- Sở Tư pháp tỉnh KG (1);
- THA tỉnh KG (1)
- Cơ quan điều tra tỉnh KG (1);
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh KG (1);
- Trại tạm giam - CA tỉnh KG (1);
- Bị cáo (1);
- Đại diện bị hại (1);
- Luật sư (1);
- Tổ hành chính tư pháp (1);
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu tòa hình sự (5).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

Võ Văn Linh